

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/DS-ST
Ngày: 05-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Lan;
2. Ông Nguyễn Nhiều Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nam, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Chí Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim Y, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 07, ấp B, xã N, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1968; (vắng mặt)

Bà Lê Thị Thanh L, sinh năm 1969. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 02, ấp Pp, xã N, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà 64, ấp H, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12-5-2022) (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03-3-2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Trần Thị Kim Y trình bày:

Chị và vợ chồng ông T bà L không có họ hàng gì, chỉ quen biết nhau. Vào ngày 03-9-2019 chị có cho bà Lê Thị Thanh L vay số tiền 195.000.000 đồng, khi vay bà L nói vay để làm vốn trồng mì, có viết giấy nợ, bà L ký tên và lấn tay. Đầu tiên chị chỉ cho mượn đỡ vài ngày trả lại nhưng sau đó bà L không trả nên có nói với chị là trả tiền lãi với lãi suất 2%/tháng. Khi cho vay chị có yêu cầu bà L nhắn với ông T phải ký tên vào giấy nợ, sau đó có người điện thoại cho chị xưng là ông T nói với chị là cho mượn đỡ vì vậy chị mới đồng ý cho mượn. Bà L có giao cho chị 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01017 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 05-8-2015 cho ông Nguyễn Trung T đứng tên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02746 do Ủy ban nhân dân Huyện Dương Minh Châu cấp ngày 09-11-2006 cho ông T và bà L đứng tên. Mục đích giao Giấy CNQSDĐ cho chị giữ là để làm tin để chị cho mượn tiền. Từ khi vay cho đến nay bà L chưa trả cho chị khoản tiền lãi nào. Chị đòi nhiều lần nhưng ông T bà L cứ hẹn mà không trả. Nay chị yêu cầu ông T, bà L trả cho chị số tiền 195.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 03-9-2009 cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Trần Văn H trình bày:

Ông đại diện theo ủy quyền của bà L, ông T. Vào tháng 8/2018 bà L có vay của chị Y số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, bà L có viết giấy nợ và ký tên, chỉ viết 01 bản nên chị Y giữ giấy nợ này. Vào tháng 9, 10/2018 bà L trả tiền lãi số tiền 1.600.000 đồng (1/2 số tiền lãi theo thỏa thuận) còn nợ lại tiền lãi là 1.600.000 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi là 31.600.000 đồng. Từ tháng 11/2018 đến tháng 8/2019 bà L không đóng tiền lãi. Tháng 8/2019 bà L trả tiền lãi cho chị Y 02 lần: ngày 02-8-2019 trả 30.000.000 đồng, ngày 11-8-2019 trả 50.000.000 đồng; tất cả đều là tiền lãi. Nếu tính tiền gốc và tiền lãi cộng dồn đến tháng 8/2019 thì bà L chỉ nợ chị Y số tiền 56.590.780 đồng bao gồm cả tiền nợ gốc và lãi. Như vậy bà L đã trả cho chị Y vượt quá số nợ gốc và lãi nợ chị Y, không biết chị Y tính như thế nào mà ghi lại giấy nợ 195.000.000 đồng và yêu cầu bà L ký tên vào giấy nợ ngày 03-9-2019 với số tiền 195.000.000 đồng.

Tháng 9-2019 bà L tiếp tục trả cho chị Y số tiền 45.000.000 đồng; ngày 08-9-2019 bà L tiếp tục trả cho chị Y số tiền 35.000.000 đồng. Các lần trả tiền

cho chị Y đều không làm biên nhận giấy tờ gì, cũng không ai chứng kiến, bà L giao tiền trực tiếp cho chị Y. Riêng số tiền 35.000.000 đồng trả vào ngày 05-9-2019 thì bà L có yêu cầu chị Y viết biên nhận, chị Y không viết biên nhận riêng mà lật vào mặt sau của giấy nợ 195.000.000 đồng để viết nội dung có nhận số tiền 35.000.000 đồng.

Bà L vay tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân, không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Khi vay bà L có giao cho chị Y 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Hiện nay bà L, ông T vẫn còn sống chung. Chi phí sinh hoạt chung trong gia đình đều do hai vợ chồng cùng chịu trách nhiệm chi tiêu.

Nay chị Y yêu cầu trả số tiền 195.000.000 đồng thì bà L, ông T đồng ý trả cho chị Y số tiền 160.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim Y, buộc ông T, bà L có trách nhiệm liên đới trả cho chị Y số tiền 160.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Y đối với số tiền 35.000.000 đồng. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Y khởi kiện ông T, bà L yêu cầu trả tiền vay 195.000.000 đồng, xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – ông T bà L có nơi cư trú tại ấp P, xã Ni Huyện D, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Y yêu cầu vợ chồng ông T, bà L trả số tiền 195.000.000 đồng theo Giấy nợ ngày 03-9-2019. Đại diện theo ủy quyền của bà L thừa nhận bà L có ký tên vào giấy nợ ngày 03-9-2019 với số tiền 195.000.000 đồng, tuy nhiên bà L chỉ vay của chị Y số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, do bà L không trả tiền lãi đầy đủ nên chị Y cộng dồn nợ lãi vào nợ gốc, đến ngày 03-9-2019 là số tiền 195.000.000 đồng nên bà ký tên vào giấy nợ. Chị Y không thừa nhận, bà L ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của bà L không có cơ sở chấp nhận. Bà L trình bày: Vào ngày 05-9-2019, bà L trả cho chị Y số tiền 35.000.000 đồng, khi trả bà yêu cầu viết biên nhận thì chị Y viết vào mặt sau của giấy nợ nhận số tiền 35.000.000 đồng, xét lời trình bày của bà L thấy rằng: Chị Y thừa nhận nội dung ở mặt sau của giấy nợ do chị tự viết và tự tẩy xóa bằng bút bi và bút xóa nước màu trắng, vì cho rằng bà L hứa trả tiền 35.000.000 đồng nên chị ghi vào mặt sau giấy nợ, do bà L không trả nên chị tự xóa. Xét thấy: Giấy nợ ngày 03-9-2019 chị Y – là người cho vay trực tiếp quản lý từ khi cho vay, chị Y tự tẩy xóa là không phù hợp với lẽ thông thường, điều này chứng minh lời trình bày của bà L là có căn cứ, phù hợp với chứng cứ do chị Y cung cấp. Do đó, khấu trừ số tiền 35.000.000 đồng vào nợ gốc 195.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Chị Y yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay là 03-9-2019. Chị Y trình bày lãi suất 2%/tháng, bà L trình bày lãi suất 6%/tháng. Các bên có tranh chấp về lãi suất do đó mức lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Như đã phân tích ở trên, có căn cứ khấu trừ tiền đã trả 35.000.000 ngày 05-9-2019 vào nợ gốc 195.000.000 đồng nên tiền lãi được tính cụ thể như sau:

$195.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 02 \text{ ngày (03-9-2019 đến 05-9-2019)} = 107.900 \text{ đồng.}$

$160.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 35 \text{ tháng (05-9-2019 đến 05-8-2022)} = 46.480.000 \text{ đồng.}$

Như vậy tổng số tiền lãi phải trả là: 46.587.900 đồng.

[4] Khi vay bà L có giao cho chị Y 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin, xét thấy việc giao Giấy đất để làm tin không phù hợp với quy định pháp luật, cần buộc chị Y trả lại 02 Giấy đất cho ông T bà L.

Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Y là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[5] Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm khi tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, cụ thể: ông T, bà L phải chịu: 206.587.900 đồng $\times$ 5% = 10.329.395 đồng.

Chị Y phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận: 35.000.000 đồng $\times$ 5% = 1.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim Y đối với ông Nguyễn Trung T, bà Lê Thị Thanh L về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Trung T, bà Lê Thị Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho chị Trần Thị Kim Y số tiền 206.587.900 (*hai trăm lẻ sáu triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm*) đồng, trong đó nợ gốc 160.000.000 đồng và tiền lãi là 46.587.900 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim Y đối với số tiền 35.000.000 đồng.

3. Chị Trần Thị Kim Y có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trung T, bà Lê Thị Thanh L 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01017 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 05-8-2015 cho ông Nguyễn Trung T đứng tên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02746 do Ủy ban nhân dân Huyện Dương Minh Châu cấp ngày 09-11-2006 cho ông T và bà L đứng tên.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T, bà L phải chịu 10.329.395 (*mười triệu ba trăm hai mươi chín ngàn ba trăm chín mươi lăm*) đồng.

Chị Y phải chịu 1.750.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp 7.215.000 đồng theo biên lai thu số 0012139 ngày 03-3-2022 của Chi cục Thi hành án Huyện Dương Minh Châu, hoàn trả cho chị Y số tiền 5.465.000 đồng.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thơ